

I. ĐƠN GIÁ PHẦN THÔ KHOẢN THEO DIỆN TÍCH

• 1. Đơn giá thô và nhân công hoàn thiện gO.ho •

GÓI TIÊU CHUẨN

4.250.000 đồng/m²

Diện tích từ 350m²: **4.250.000** đồng/m²

Diện tích từ 250 – dưới 350m²: **4.300.000** đồng/m²

Diện tích từ 200 – dưới 250m²: **4.500.000** đồng/m²

Diện tích dưới 200m² Dự toán theo hồ sơ thiết kế

GÓI CAO CẤP

4.650.000 đồng/m²

(Bao gồm các định mức nâng cấp hơn gói tiêu chuẩn)

• 2. Diện tích •

KHU VỰC THI CÔNG	HỆ SỐ TÍNH
Hầm có độ sâu 1.0 đến dưới 1.3m so với code vỉa hè	150% diện tích
Hầm có độ sâu 1.3 đến dưới 1.7m so với code vỉa hè	170% diện tích
Hầm có độ sâu 1.7 đến dưới 2.0m so với code vỉa hè	200% diện tích
Hầm có độ sâu từ 2.0m trở lên so với code vỉa hè	250% diện tích

Đối với hầm có diện tích sử dụng < 70m² <i>(Công trình làm hầm hầm trước nhà tối thiểu 4 mét, ngang nhà tối thiểu 5 mét)</i>	Hệ số tính như trên + 20% diện tích
Móng đơn	25% diện tích trệt
Móng băng	50% diện tích trệt
Móng băng + bê tông nền trệt	60% diện tích trệt
Móng cọc	30% diện tích trệt
Móng cọc + bê tông nền trệt	50% diện tích trệt
Móng bè	100% diện tích trệt
Phần diện tích có mái che <i>(trệt, lửng, lầu,...sân thượng có mái che)</i>	100% diện tích
Phần diện tích không mái che <i>(ngoại trừ sân trước và sân sau)</i>	50% diện tích
Mái bê tông cốt thép	50% diện tích
Mái TOLE - <i>tính theo mặt nghiêng (tức cạnh huyền), bao gồm xà gồ sắt hộp và tole.</i>	30% diện tích
Mái ngói kèo sắt - <i>tính theo mặt nghiêng (tức cạnh huyền), bao gồm hệ khung kèo và ngói.</i>	70% diện tích
Mái ngói BTCT - <i>tính theo mặt nghiêng (tức cạnh huyền), bao gồm lito và ngói lợp.</i>	100% diện tích
Mái BTCT nghiêng - <i>tính theo mặt nghiêng (không bao gồm ngói).</i>	70% diện tích
Sân trước và sân sau	70% diện tích
Khu vực cầu thang	100% diện tích
Ô thông tầng ≤ 8m ²	100% diện tích
Ô thông tầng > 8m ²	50% diện tích

II. CÁC CHI PHÍ NGOÀI ĐƠN GIÁ (NẾU CÓ)

HẠNG MỤC	CHI PHÍ
Bê tông nền sân trệt (sắt 6a150 hoặc 8a200, dày 100mm)	700.000 đồng/m²
Điểm dừng thang máy	12.500.000 đồng/điểm dừng
Điện 3 pha	12.000.000 đồng/nhà
Hệ thống tiếp địa và dây TE	15.000.000 – 25.000.000 đồng/công trình (đã hỗ trợ nhân công)
Dự trù thêm cầu thang bộ	15.000.000 – 20.000.000 đồng/cầu (từng loại bản thang)
Dự trù sắt dư để sau này nâng tầng	3 - 4% giá trị phần thô cho 01 sàn dự trù
Tăng mác bê tông 250 lên mác bê tông 300 thêm	85.000 đồng/khối
Cột dùng bê tông tươi thêm phụ cấp	2.700.00 đồng/ca bơm cột
Bê tông tươi đá xanh	200.000 đồng/khối (chờ đặt hàng)
Chi phí cát san lấp, nâng nền	350.000 đồng/khối
Chi phí cắt đầu cọc, nối đầu cọc ly Tâm (chênh so với cọc vuông 250x250	280.000 tim cọc (chênh so với cọc vuông 250x250)
Bể phốt đổ bê tông chênh xây gạch	12.000.000 đồng/cái
Cung cấp vật tư và nhân công, thi công ống nước nóng năng lượng mặt trời	4.500.000 đồng/nhà vệ sinh, bếp
Hỗ trợ xây tường 100mm: 310.000 đồng/m² (nhà chuẩn công ty chỉ hỗ trợ xây tường 200mm cho mặt tiền trước, sau và khu vực thang bộ, thang máy. Ngoài khu vực nêu trên CĐT muốn xây tường 200mm Công ty sẽ tính thêm chi phí xây tường 100mm)	
Tô trần khi công trình không đóng thạch cao	220.000 -240.000 đồng/m²
Chi phí cầu thang ziczac	7.000.000 đồng/cầu
Nhà lệch tầng	100.000 đồng/m² đơn giá

HẠNG MỤC	CHI PHÍ
Chi phí ốp lát gạch (không bao gồm gạch hoàn thiện)	195.000 đồng/m ² (không bao gồm gạch hoàn thiện)
Chống thấm hầm	Tùy công trình
Chi phí hỗ trợ bãi tập kết, thi công khó khăn	Tùy công trình
Công trình thi công ngoài tỉnh	Thêm chi phí tùy công trình
Phù điêu	Tùy công trình
Ván phim	Tùy công trình
Gia cố cừ vây (Trường hợp Cừ lasen phải khảo sát điều kiện thi công mới báo chi phí)	3.400.000 - 3.600.000 đồng/md loại cừ C 4 - 4.5m
Chi phí hẻm nhỏ: ▶ Hẻm 3 - 4 m: 2% giá trị hợp đồng ▶ Hẻm 2 - 3 m: 3% giá trị hợp đồng ▶ Hẻm < 2m: khảo sát theo thực tế	
Nhà 2 mặt tiền trở lên, báo giá chi phí hỗ trợ theo phương án thiết kế.	



LƯU Ý:

Việc báo giá theo m² công trình dành cho các công trình thông dụng với biện pháp thi công, vật tư và tiêu chuẩn hiện hành, để ra một chuẩn định mức (m² x đơn giá).

Trường hợp với những điều kiện thi công đặc thù, thiết kế mới lạ, tiêu chuẩn yêu cầu khác thêm so với định mức đơn giá thì sẽ trao đổi cụ thể theo các định mức đề xuất ngoài đơn giá bên trên.



Để chính xác nhất CĐT liên hệ công ty để được tư vấn trực tiếp.



083 222 222 9